

Số: /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 38/TTr-SNV ngày 18/6/2026 (sau khi tiếp thu ý kiến góp ý, báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại các Văn bản: số 250/BC-STP ngày 02/6/2026, số 1415/STP-XDPL ngày 08/6/2026, số 1529/STP-XDPL ngày 17/6/2026; của Sở Tài chính tại các Văn bản: số 3434/STC-QLN ngày 20/5/2026, số 3997/STC-QLN ngày 06/6/2026; ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 12/6/2026); ý kiến đồng ý của tập thể lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 20/6/2026 (theo Thông báo số 402/TB-UBND ngày 20/6/2026); ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phiếu biểu quyết; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15. Theo đó, tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15) quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”; “Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”;
- Căn cứ Thông tư số 44/2022/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 95/2025/TT-BTC, theo đó:

+) Tại Điều 3 Thông tư số 44/2022/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC) quy định: “3. Việc quản lý, sử dụng, hạch toán kế toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về kế toán, các quy định cụ thể tại Thông tư này và quy định của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc phạm vi quản lý.”;

+) Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC) quy định:

“1. Chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả.

Mức chi phí quản lý bằng 1,7% tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ), được bố trí trong dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề xuất phân bổ tỷ lệ chi phí quản lý cùng với phương án đề xuất phân bổ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng gửi Bộ Tài chính, bảo đảm chi phí quản lý phù hợp với đặc thù của từng địa phương và trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của toàn ngành. **Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quy định tỷ lệ chi phí quản lý tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.”;

+) Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC) quy định:

“Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả): Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp **do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh** quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương.”;

“Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng **do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định** tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương”.

2. Cơ sở thực tiễn

- Theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và Nghị định số 75/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thì nguồn kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thuộc ngân sách trung ương ủy quyền cho Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố thực hiện.

- Tuy vậy, hiện nay theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 128/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ: *“Kinh phí thực hiện chính sách chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương do ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương và giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước”*.

- Đối chiếu quy định tại điểm a, điểm b, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC và để đảm bảo phân bổ chi phí quản lý phù hợp theo xã, phường sau khi sáp nhập địa giới hành chính, phù hợp với quy mô đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh, đồng thời để triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng, người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là cần thiết nhằm bảo đảm cơ sở pháp lý cho việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

- Thống nhất việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý; mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ).

- Thay thế các quy định về tỷ lệ phần trăm (%) chi phí quản lý, mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả và mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được ngành Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành trước đây, nhằm đảm bảo thực hiện nghiêm túc theo quy định của Thông tư số 95/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời đảm bảo sự phù hợp trong phân bổ nguồn kinh phí quản lý giữa các địa phương sau sắp xếp đơn vị hành chính.

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc lập dự toán, phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý đối tượng, quản lý sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

- Việc xây dựng Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh là nhằm hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

- Phù hợp với yêu cầu thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ, khối lượng công việc của các sở, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc phân bổ chi phí quản lý đối tượng, quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 07/5/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Văn bản số 3930/UBND-NC₃ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định chi tiết văn bản Trung ương; Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 277/KH-HĐND ngày 08/5/2026 về việc chuẩn bị, tổ chức Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Danh mục nội dung văn bản Trung ương giao Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết (tại Nghị quyết số 157/NQ-TTHĐND19 ngày 15/5/2026).

2. Sở Nội vụ đã thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã đăng tải dự thảo văn bản trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

3. Sở Tư pháp đã có Báo cáo thẩm định số 250/BC-STP ngày 02/6/2026 và các Văn bản số 1415/STP-XDPL ngày 08/6/2026, số 1529/STP-XDPL ngày 17/6/2026 góp ý sau thẩm định; Sở Tài chính có Văn bản số 3997/STC-QLN ngày 06/6/2026 góp ý lần 2 sau thẩm định; Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh có ý kiến tại cuộc họp ngày 16/6/2026 (theo Giấy mời số 452/GM-HĐND ngày 12/6/2026). Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ đã tiếp thu, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 38/TTr-SNV ngày 18/6/2026.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

a) Tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

b) Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả) theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

c) Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi điểm b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

1.2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện công tác quản lý đối tượng, quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

b) Người trực tiếp thực hiện chi trả trợ cấp; tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến.

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

2. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 04 điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

Điều 2. Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý và mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả; mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến.

Điều 3. Tổ chức thực hiện.

Điều 4. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản (tại Điều 2 dự thảo Nghị quyết)

3.1. Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý cho các đơn vị cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý cho các đơn vị cấp tỉnh bằng 30% tổng chi phí quản lý được giao, trong đó: Sở Tài chính bằng 3% tổng chi phí quản lý được giao; Sở Nội vụ bằng 27% tổng chi phí quản lý được giao.

b) Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã bằng 70% tổng chi phí quản lý của toàn tỉnh, trong đó:

- Đối với 04 xã có dưới 200 đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến hưởng

trợ cấp ưu đãi thường xuyên, bao gồm: Xã Sơn Kim 1, xã Sơn Kim 2, xã Sơn Hồng, xã Kỳ Lạc phân bổ theo một tỷ lệ cố định bằng 0,45% tổng chi phí quản lý được giao/xã (*chi tiết phân bổ cho từng xã tại Phụ lục 01 kèm theo*).

- Đối với 65 xã, phường có từ 200 đối tượng người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trở lên: chi tiết phân bổ cho từng xã, phường tại Phụ lục 02 kèm theo.

3.2. Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả; mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến bằng 0,6% tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng và do Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả từ nguồn chi phí quản lý được phân bổ tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này (*trường hợp phát sinh đối tượng do Ủy ban nhân dân cấp xã chi trả trực tiếp hoặc thuê chi trả tổ chức dịch vụ chi trả*).

(*Báo cáo giải trình chi tiết việc phân bổ chi phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương tại Tờ trình số 38/TTr-SNV ngày 18/6/2026 của Sở Nội vụ và các tài liệu liên quan gửi kèm theo*).

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Kinh phí thực hiện: nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Thời gian trình thông qua Nghị quyết: dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định tỷ lệ chi phí quản lý để thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định (*có dự thảo Nghị quyết và các hồ sơ liên quan gửi kèm theo*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Nội vụ, Tài chính, Tư pháp;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Nguyệt

Phụ lục 01

Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả phân bổ cho các xã có dưới 200 đối tượng hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng
(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: %

TT	Đơn vị	Tỷ lệ chi phí quản lý	Ghi chú
1	Xã Sơn Kim 2	0,45	
2	Xã Sơn Kim 1	0,45	
3	Xã Sơn Hồng	0,45	
4	Xã Kỳ Lạc	0,45	

Phụ lục 02

Tỷ lệ phân bổ chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả phân bổ cho các xã, phường có từ 200 đối tượng trở lên hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng
(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: %

TT	Đơn vị	Tỷ lệ chi phí quản lý	Ghi chú
1	Phường Vũng Áng	0,59	
2	Phường Hải Ninh	0,59	
3	Xã Thạch Xuân	0,59	
4	Xã Đồng Tiến	0,59	
5	Xã Sơn Tây	0,71	
6	Phường Hoàn Sơn	0,71	
7	Xã Hà Linh	0,71	
8	Xã Sơn Giang	0,71	
9	Xã Thạch Lạc	0,71	
10	Xã Thạch Khê	0,71	
11	Xã Đông Kinh	0,71	
12	Xã Việt Xuyên	0,71	
13	Xã Cẩm Trung	0,71	
14	Xã Toàn Lưu	0,71	
15	Xã Cẩm Hưng	0,71	
16	Xã Xuân Lộc	0,71	
17	Xã Yên Hòa	0,71	
18	Xã Lộc Hà	0,71	
19	Xã Kỳ Văn	0,83	
20	Xã Kỳ Khang	0,83	
21	Xã Cẩm Lạc	0,83	
22	Xã Tùng Lộc	0,83	
23	Xã Kỳ Hoa	0,83	

TT	Đơn vị	Tỷ lệ chi phí quản lý	Ghi chú
24	Xã Hồng Lộc	0,83	
25	Xã Kỳ Xuân	0,83	
26	Xã Đức Đồng	0,83	
27	Xã Cổ Đạm	0,83	
28	Xã Hương Xuân	0,95	
29	Xã Thượng Đức	0,95	
30	Xã Hương Phố	0,95	
31	Xã Mai Hoa	0,95	
32	Xã Hương Đô	0,95	
33	Xã Kim Hoa	0,95	
34	Phường Trần Phú	0,95	
35	Xã Mai Phụ	0,95	
36	Xã Cẩm Duệ	0,95	
37	Xã Thạch Hà	0,95	
38	Phường Hà Huy Tập	0,95	
39	Xã Gia Hạnh	0,95	
40	Xã Đức Minh	0,95	
41	Xã Cẩm Bình	0,95	
42	Xã Đức Quang	0,95	
43	Xã Đan Hải	0,95	
44	Xã Kỳ Thượng	1,07	
45	Xã Vũ Quang	1,07	
46	Xã Hương Bình	1,07	
47	Xã Phúc Trạch	1,07	
48	Xã Đồng Lộc	1,07	
49	Xã Kỳ Anh	1,07	
50	Xã Trường Lưu	1,07	
51	Xã Hương Sơn	1,07	

TT	Đơn vị	Tỷ lệ chi phí quản lý	Ghi chú
52	Phường Nam Hồng Lĩnh	1,07	
53	Xã Sơn Tiến	1,19	
54	Xã Hương Khê	1,19	
55	Xã Tiên Điền	1,19	
56	Xã Thiên Cầm	1,19	
57	Xã Tứ Mỹ	1,30	
58	Phường Sông Trí	1,30	
59	Phường Bắc Hồng Lĩnh	1,30	
60	Xã Can Lộc	1,78	
61	Xã Cẩm Xuyên	1,78	
62	Xã Nghi Xuân	1,90	
63	Xã Đức Thịnh	2,97	
64	Xã Đức Thọ	2,97	
65	Phường Thành Sen	3,54	